日暮里校 午前AMクラス/Nippori Campus (Morning class)/Campus Nippori(Clases de la mañana)/Cơ sở Nippori: lớp sáng

*10月10日(金)から新しいクラスで勉強します。自分のクラス、教室、時間を確認して、直接教室へ行ってください。

You will study in a new class from Friday, October 10th. Please check your class, classroom, time and go directly to the classroom.

10月10日(周五)开始重新分班,请确认好自己的班级、教室、上课时间,直接前往教室上课。

10月10日(五)開始重新分班,請確認好自己的班級、教室、上課時間,直接前往教室上課。

10월10일 (금요일) 부터 새로운 클래스 에서 공부합니다. 본인의 클래스, 교실, 시간을 확인하여 직접 교실로 가주세요.

Từ ngày10 tháng10(thứ sáu) các em sẽ học ở lớp mới. Các em hãy xác nhận lớp học, phòng học, giờ học của mình và lên thẳng lớp của các em.

A partir de 10 de octubre, viernes, va a estudiar en nueva clase. Revise su clase, sala y horario y váyase diréctamente a su clase, por favor.

しょきゅう 初級	クラス/班 级 /Class/Clase/ Lớp	教室/Class room/ Sala/Phòng học	じゅぎどかん 授業時間/上课时间/Class time/Horario/Giờ học	がくせいばんごう 学生番号/学 号/學號/Student number/Número de estudiante/Số học sinh																	
	N-A	202	9:00~12:20	N08731	N08747	N08757	N08759	N08769	N08779	N08780	N08788	N08807	N08811	NT251003	В						
Usterpj 初級 2	クラス/班 级 /Class/Clase/	きょうしつ 教室/Class room/	じゅぎょかん 授業時間/上课时间/Class		学生番号/学 号/學號/Student number/Número de estudiante/Số học sinh																
	Lớp	Sala/Phòng học	time/Horario/Giờ học							ナエ甘う/	子 5/3	F 初心/ STUU	eiii iiuiibe	er / Numer	ue estu	ardirie/ 30 nộc sin					
	N-H	302	9:00~12:20		N08736	N08763	N08767	N08768	N08801												<u> </u>
	N - I	501	9:00~12:20	N08740	N08741	N08755	N08773	N08777	N08799												<u> </u>
	クラス/班 级 /Class/Clase/	きょうしつ 教室/Class room/	じゅぎじかん 授業時間/上课时间/Class		がくせいばんごう 学生番号/学 号/學號/Student number/Número de estudiante/Số học sinh																
_{ちゅうきゅう} 中級	Lớp	Sala/Phòng học	time/Horario/Giờ học							子生奋亏/	子 专/字	学玩/ STUO	ent numbe	er/ Numer	o de estud	alante/ 30 nọc sin	n				
中級	N511	401	9:00~12:20	N08771																	
	N512	201	9:00~12:20	N08761	N08797																
ojewj 2級【	クラス	きょうしつ 教室	じゅぎょむかん 授業時間		_							ti L	学	番	를 -			_			
"級 I	N411	303	9:00~12:20																		
	クラス	きょうしつ 教室	じゅぎょむかん 授業時間									ti E	生	番	당 号						
がきゅう 2級2	N3II	503	9:00~12:20	N08753	N08805																
	N312	402	9:00~12:20																		
^{∌うきゅう} □級3	クラス	きょうしつ 教室	じゅぎょびかん 授業時間				ı			T		ti L	学 生	番	でう 号		ı		ı		
T ///X J	N211	203	9:00~12:20	N08808																	
	クラス	きょうしつ 教室	じゅぎょむかん 授業時間									ti L	学生	番	号						
_{じょうきゅう} 上級 I	NIII	502	9:00~12:20																		
	N I I 2	403	9:00~12:20																		